

ĐỀ SỐ 5

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Chiếc bút mực*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 40).

- Đọc đoạn 1 và đoạn 2.
- Trả lời câu hỏi: *Trong truyện có mấy nhân vật? Họ là ai?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Cái trống trường em* (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 45).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bạn học sinh xưng hô, trò chuyện như thế nào với cái trống?

- a. Gọi tên, xưng hô và trò chuyện thân mật.
- b. Xưng hô trò chuyện không thân mật.
- c. Xem trống như một đồ vật không bỏ ích.
- d. Xem trống như món ăn tinh thần.

2. Tìm hai từ chỉ hoạt động của cái trống:

- a. Mừng vui, lặng im.
- b. Ngấm ngấm, gọi.
- c. Nghiêng, vui.
- d. Buồn, vang.

3. Tìm hai từ chỉ người có trong bài thơ:

- a. Trống, em.
- b. Trường, gió.
- c. Mình, chúng em.
- d. Giọng, bọn.

4. Vì sao các bạn học trò rất yêu quý cái trống trường

- a. Trống gắn bó với các bạn.

ĐỀ SỐ 6

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: *Mảnh giấy vụn*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 48).

- Đọc đoạn 4.
- Trả lời câu hỏi: *Bạn gái nghe thấy mẩu nói gì?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: *Ngôi trường mới*

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 50).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Tác giả tả ngôi trường theo thứ tự nào?

- a. Từ xa đến gần.
- b. Từ gần đến xa.
- c. Từ sáng đến trưa.
- d. Từ trưa đến chiều.

2. Những câu nào tả vẻ đẹp của ngôi trường?

- a. Những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.
- b. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế xoan đào nổi vân như lụa.
- c. Tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.
- d. Cả 3 ý trên.

3. Dưới mái trường mới, bạn học sinh cảm thấy có gì mới?

- a. Tiếng trống rung động kéo dài.
- b. Tiếng cô giáo trang nghiêm và ấm áp.
- c. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ.
- d. Các ý trên đều đúng.

4. Học dưới ngôi trường mới bạn học sinh có những cảm nhận gì?

- a. Nhìn ai cũng thấy thân thương.

ĐỀ SỐ 7

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: Cô giáo lớp em

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 60).

- Đọc khổ thơ 2 và 3.
- Trả lời câu hỏi: *Những từ ngữ nào nói lên tình cảm của học sinh đối với cô giáo?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Người thầy cũ

(SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 56).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Bố Dũng đến trường làm gì?

- a. Thăm các thầy (cô) giáo trong nhà trường.
- b. Để gặp thầy chủ nhiệm của Dũng.
- c. Để chào thầy giáo cũ của bố Dũng.
- d. Để đưa Dũng đi học.

2. Khi gặp thầy giáo cũ, bố Dũng thể hiện sự kính trọng như thế nào?

- a. Lấy mũ, lễ phép chào thầy.
- b. Nhấc kính, chớp mắt ngạc nhiên rồi chào thầy.
- c. Tươi cười, vui vẻ khi chào thầy.
- d. Xúc động khi chào thầy.

3. Bố Dũng nhớ nhất kỉ niệm gì về thầy?

- a. Trèo cửa sổ lớp bị thầy bắt gặp.
- b. Thầy không phạt mà chỉ buồn.
- c. Thầy khuyên “trước khi làm việc gì, cần phải suy nghĩ”.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Câu “Chú tìm đến lớp của con mình để chào thầy giáo cũ” thuộc mẫu câu nào?

ĐỀ SỐ 8

A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng: (6 điểm)

Bài đọc: Người mẹ hiền (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 63).

- Đọc đoạn 1 và 2.
- Trả lời câu hỏi: *Giờ ra chơi, Minh rủ Nam đi đâu?*

II. Đọc hiểu: (4 điểm)

Bài đọc: Bàn tay dịu dàng (SGK Tiếng Việt 2, tập 1, trang 66).

- Làm bài tập: *Chọn câu trả lời đúng:*

1. Vì sao An nghỉ học mấy ngày liền?

- a. Bị ốm.
- b. Bà An mất.
- c. Bị thầy giáo phạt.
- d. Không thích đi học.

2. Vì sao thầy giáo không trách An khi biết bạn ấy chưa làm bài?

- a. Gia đình An có chuyện buồn, thầy thông cảm cho An.
- b. An bị ốm.
- c. Thầy không muốn phê bình An vì bạn ấy học rất giỏi.
- d. Thầy giáo không quan tâm đến A.

3. Tìm những từ ngữ hoặc câu văn thể hiện tình cảm của thầy giáo đối với An.

- a. Nhẹ nhàng xoa đầu.
- b. Bàn tay thầy dịu dàng.
- c. Đây triu mến, thương yêu.
- d. Tất cả các ý trên.

4. Từ nào có thể thay thế cho từ “lặng lẽ” trong bài?

- a. Trầm ngâm.
- b. Vắng vẻ.

